

Bản án số: 43/2017/HSST

Ngày: 27/9/2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Cao Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Niềm – Cán bộ Sở Lao động – Thương binh – Xã hội tỉnh Thừa Thiên Huế.

2. Bà Lê Thị Hồng Giang - Giáo viên Trường trung học cơ sở Nguyễn Chí Diểu, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Lê Thị Tú Loan, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh, Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế (số 11 Tôn Đức Thắng, thành phố Huế), Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế xét xử công khai, sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 33/2017/HSST ngày 10/8/2017, đối với:

Bị cáo: Lê Ngọc Nguyên H. Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Sinh năm 1981 tại Thừa Thiên Huế; Nơi ĐKNKTT: số 147 Huỳnh Thúc Kháng, phường Phú H, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; Trình độ văn hoá: 12/12; Nghề nghiệp: nguyên cán bộ ngân hàng Eximbank Việt Nam chi nhánh Huế; Con ông Lê Ngọc H và bà Nguyễn Thị Ý N (đã chết); Có vợ đã ly hôn, hiện đang sống chung như vợ chồng với chị Dương Thị Thu H, có 01 con chung; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 22/3/2017, tạm giam ngày 23/03/2017 có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại:

1. Ông Nguyễn Minh N, sinh năm 1961

Địa chỉ: 180A Trần P, phường Phước V, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Ông Hồ Viết H, sinh năm 1973

Địa chỉ: 13/69 Trần Nhân T, phường Tây L, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế (có mặt).

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1, Bà Trần Thị Cẩm C, sinh năm 1960

Địa chỉ: 279 Lê D, phường Phú T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế (có mặt)

2, Ông Lê Ngọc Nguyên Đ, sinh năm 1973

Địa chỉ: 134/43A Nguyễn Thị T, phường Bình Th, Quận 7, thành phố Hồ Chí Minh (có mặt)

3, Ông Lê Trọng T, sinh năm 1971

Địa chỉ: 54/7 Kiệt 271 Chi L, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế (có mặt)

4, Bà Dương Thị Thu H, sinh năm 1983

Địa chỉ: 15/81 Nguyễn H, phường Phú N, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. (có mặt)

NHẬN THẤY

Bị cáo Lê Ngọc Nguyên H bị Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Lê Ngọc Nguyên H là Tổ trưởng tổ tín dụng ngân hàng Eximbank Việt Nam - Chi nhánh Thừa Thiên Huế. Lợi dụng ảnh hưởng trong công việc của mình và mối quan hệ quen biết, H đã nhiều lần mượn tiền của ông Hồ Viết H, ông Nguyễn Minh N nhưng đến thời hạn trả nợ H không trả lại tiền đúng hạn mà bỏ việc làm, bỏ trốn, chiếm đoạt tiền của ông H, ông N. Cụ thể như sau:

1. Về hành vi chiếm đoạt tiền của ông Hồ Viết H.

Lần 1: Khoảng 15 giờ ngày 09/8/2016, Lê Ngọc Nguyên H gặp ông Hồ Viết H tại quán cà phê Park view ở đường Ngô Quyền, H mượn của ông H số tiền 40.000.000 đồng, H có viết giấy mượn tiền rồi giao cho ông H giữ và H đưa cho ông H giữ chứng chỉ đào tạo chức danh giám đốc phòng giao dịch (CERTIFICATE) của mình. Sau đó, H đã trả cho ông H được số tiền là 15.000.000 đồng.

Lần 2. Ngày 29/8/2016, H gọi điện thoại để mượn tiền ông H, sau đó ông H cùng với bạn là chị Lê Thị H đi đến gặp H tại quán cà phê Park View. Tại đây, ông H đưa cho H mượn số tiền 70.000.000 đồng, H có viết giấy mượn tiền và giao cho ông H giữ cùng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 787987 cấp ngày 03/12/2002 của UBND thành phố Huế cấp cho bà Trần Thị Cẩm C.

Lần 3. Ngày 16/9/2016, H gọi điện thoại hỏi mượn thêm ông H số tiền 220.000.000 đồng, ông H nói với H: “ H phải có giấy ủy quyền của bà Cẩm C chủ lô đất số 787987 mới cho mượn thêm”. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày, tại quán cà phê Park Wiew, ông H cho H mượn số tiền 220.000.000 đồng. H có viết giấy mượn tiền hẹn đúng một tháng sẽ hoàn trả đầy đủ số tiền trên và H có để lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 787987 ngày 3/12/02 và giấy ủy quyền có xác nhận của UBND phường Phú Thuận của bà Cẩm C ủy quyền cho ông Lê Ngọc Nguyên H. Việc mượn tiền này có chị Lê Thị H chứng kiến.

Lần 4. Khoảng 12 giờ ngày 17/9/2016, tại quán nước mía gần bến Phu Văn Lâu, ông H đưa cho H mượn số tiền 43.000.000 đồng. H có viết giấy mượn tiền hẹn 07 ngày sau sẽ hoàn trả đầy đủ và đưa giấy CMND của mình cho ông H cất giữ. Việc H mượn tiền có chị Lê Thị H chứng kiến.

Lần thứ 5. Tháng 10/2016, H đã mượn của ông H nhiều tiền và đã quá thời hạn hẹn trả, ông H yêu cầu H trả tiền thì H nói mượn thêm số tiền 46.000.000 đồng, chốt lần cuối, hẹn sẽ trả hết vào sáng thứ hai. Khoảng 10 giờ ngày 07/10/2016, tại quán cà phê Hoàng Nhật, ông H cho H mượn số tiền 46.000.000

đồng, H có viết giấy mượn tiền và đưa giấy phép lái xe của H cho ông H giữ. Lần mượn tiền này cũng có chị Lê Thị H chứng kiến.

Như vậy, Lê Ngọc Nguyên H đã mượn tiền của ông Hồ Viết H 05 lần với tổng số tiền 419.000.000 đồng (bốn trăm mười chín triệu đồng). Hoàng đã trả góp cho ông H với số tiền 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng). Ngày 22/10/2016, H bỏ trốn.

Ngày 02/12/2016 ông Hồ Viết H có đơn tố cáo hành vi chiếm đoạt tiền của H.

2. Về hành vi chiếm đoạt tiền của ông Nguyễn Minh N.

Lần 1: Khoảng 10 giờ ngày 26/9/2016, Lê Ngọc Nguyên H hẹn gặp ông Nguyễn Minh N tại quán cà phê Rốt. Tại đây, H nói với ông N đưa cho H mượn 60.000.000 đồng, Hoàng có viết giấy mượn tiền hẹn 10 ngày sau sẽ hoàn trả đầy đủ và giao cho ông N giữ tờ giấy.

Lần 2. Khoảng 10 giờ ngày 27/9/2016, tại quán cà phê Rốt, ông N đưa cho H mượn 50.000.000 đồng, H có viết giấy nhận tiền, hẹn thứ 2 sẽ hoàn trả đầy đủ (3/10/2016) rồi giao cho ông N cất giữ tờ giấy.

Lần 3. Khoảng 8 giờ ngày 04/10/2016, tại quán cà phê Rốt, ông N đưa cho H mượn 40.000.000 đồng, H nhận tiền và viết giấy hẹn đến sáng thứ 6 sẽ hoàn trả đầy đủ rồi giao cho ông N cất giữ tờ giấy này.

Như vậy, Lê Ngọc Nguyên H đã mượn của ông Nguyễn Minh N 03 lần với số tiền 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng) sau đó bỏ trốn chiếm đoạt của ông N số tiền trên.

Ngày 24/10/2016, ông Nguyễn Minh N có đơn tố cáo hành vi chiếm đoạt tiền của H.

Đến ngày 22/3/2017, H bị bắt theo Lệnh truy nã của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thừa Thiên Huế.

Tại các Kết luận giám định của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thừa Thiên Huế về chữ ký, chữ viết của bị cáo Lê Ngọc Nguyên H trên các giấy mượn tiền mà bị cáo đã viết và giao cho các bị hại ông Hồ Viết H, ông Nguyễn Minh N đều do Lê Ngọc Nguyên H viết ra.

Về trách nhiệm dân sự:

Tháng 11 năm 2016, tháng 1 và tháng 3 năm 2017, bị cáo Lê Ngọc Nguyên H gửi tiền vào tài khoản của ông Lê Trọng T (là anh em họ của H) 6.000.000 đồng để nhờ T gửi cho ông H.

Ông Lê Ngọc Nguyên Đ (anh ruột của H) đã trả cho ông H 50.000.000 đồng và chị Dương Thị Thu H thống nhất với ông H để ông H lấy một số tài sản trong gia đình gồm: 01 tủ lạnh Hitachi, 01 máy nước nóng Aiston, 02 quạt đứng, 01 quạt bàn, 01 ti vi Samsung đã qua sử dụng có tổng giá trị 5.000.000 đồng để trả tiền thay cho Hoàng.

Ngày 15/5/2017, ông Lê Ngọc Nguyên Đ (anh ruột của H) đã trả cho ông N 20.000.000 đồng.

Như vậy, H và gia đình đã khắc phục, bồi thường cho ông Hồ Viết H số tiền 61.000.000 đồng (sáu mươi một triệu đồng); ông Nguyễn Minh N 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng).

Tại bản cáo trạng số 21/QĐ/KSĐT ngày 9/8/2017, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế đã truy tố bị cáo Lê Ngọc Nguyên H về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm a khoản 4 Điều 140 của Bộ luật hình sự 1999.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế đề nghị:

Về tội danh vẫn giữ nguyên tội danh như Cáo trạng.

Về hình phạt: Bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án tiền sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, tác động gia đình để bồi thường khắc phục hậu quả, người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, p khoản 1, 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999; bị cáo phạm vào tình tiết tăng nặng là phạm tội nhiều lần theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 4 Điều 140 điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 1999; Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 của Quốc Hội khi lượng hình Hội đồng xét xử xem xét theo hướng có lợi cho bị cáo khi áp dụng Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015 để xử phạt bị cáo Lê Ngọc Nguyên H từ 05 năm 06 tháng đến 06 năm tù. Quá trình điều tra xác định bị cáo không có tài sản nên đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Tuyên buộc bị cáo phải chịu trách nhiệm trả cho ông Hồ Viết H số tiền 343.000.000 đồng, ông Nguyễn Minh N số tiền 130.000.000 đồng.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, người bị hại, những người tham gia tố tụng khác.

XÉT THẤY:

Có cơ sở để kết luận: Lạm dụng sự quen biết và tin tưởng của các người bị hại là ông Hồ Viết H, ông Nguyễn Minh N, bị cáo đã sử dụng vị trí công tác là Tổ trưởng tổ tín dụng tại Ngân hàng Eximbank chi nhánh Huế để mượn tiền của ông Hồ Viết H, ông Nguyễn Minh N. Trong khoảng thời gian từ ngày 09/8/2016 đến 04/10/2016 Lê Ngọc Nguyên H đã mượn ông H số tiền 358.000.000 đồng, mượn ông N số tiền 150.000.000 đồng để sử dụng vào mục đích cá nhân. Khi mượn bị cáo đều có viết giấy mượn tiền, đồng thời bị cáo còn giao cho ông H một số giấy tờ như chứng chỉ đào tạo chức danh giám đốc phòng giao dịch, chứng minh nhân dân và giấy phép lái xe của H, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của người khác để làm tin. Đến hạn trả nợ, H không có khả năng thanh toán cho ông H và ông N nên đã bỏ trốn khỏi địa phương. Hành vi mượn tài sản của người khác bằng hình thức hợp đồng “mượn tiền” rồi sau đó bỏ trốn nhằm chiếm đoạt của ông Hồ Viết H, ông Nguyễn Minh N tổng số tiền là 508.000.000 đồng của bị cáo Lê Ngọc Nguyên H đã trực tiếp xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của người khác mà pháp luật bảo vệ. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế truy tố bị cáo Lê Ngọc Nguyên H về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 140 Bộ luật Hình sự 1999 là có căn cứ, đúng pháp luật. Tuy nhiên,

căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 của Quốc Hội khi lượng hình Hội đồng xét xử xem xét theo hướng có lợi cho bị cáo và áp dụng Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015 để quyết định hình phạt đối với bị cáo. Ngoài ra, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế còn truy tố bị cáo H về hành vi bị cáo chiếm đoạt của ông Hồ Viết H số tiền 46.000.000 đồng vào ngày 07/10/2016, xét thấy trong hồ sơ vụ án không có tài liệu nào chứng minh bị cáo mượn tiền của ông H mà ông H chỉ cung cấp một bản phô - tô (bản sao) với nội dung: ”*chốt lại sáng thứ 2 sẽ thanh toán 46.000.000đ (bốn mươi sáu triệu đồng) có chữ ký của H*”. Trong khi đó bị cáo khai nhận là khi mượn có viết giấy, nhưng sau đó bị cáo đã dùng tiền mượn của ông N để trả cho ông H và xé giấy mượn tiền. Về phía người bị hại ông H cho rằng không có giấy mượn tiền mà bị cáo chỉ viết vào tờ giấy như trên, nhưng hiện nay bản gốc đã thất lạc và bị cáo vẫn chưa trả cho ông. Hội đồng xét xử xét thấy: các cơ quan tiến hành tố tụng chưa đủ cơ sở để chứng minh bị cáo chiếm đoạt của ông H số tiền 46.000.000 đồng vào ngày 07/10/2016 nên không xem xét trách nhiệm hình sự đối với bị cáo H về hành vi này. Nếu sau này tranh chấp có thể khởi kiện bằng một vụ kiện dân sự khác.

Lê Ngọc Nguyên H là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được pháp luật và xã hội, nhưng do lòng tham nên bị cáo muốn chiếm đoạt tài sản của người khác làm tài sản của mình mà lại không chịu lao động chân chính dẫn đến việc phạm tội. Vì vậy, cần phải xét xử nghiêm đối với bị cáo để đảm bảo tác dụng giáo dục và phòng ngừa chung. Tuy nhiên khi quyết định hình phạt cần xem xét cho bị cáo đã tự mình khắc phục một phần và tác động gia đình khắc phục một phần thiệt hại; bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, ngoài ra người bị hại ông Nguyễn Minh N có đơn xin xem xét giảm nhẹ cho bị cáo, tại phiên tòa ông H xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự. Xét thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 1 Điều 46 nên áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự để quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt.

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, bị cáo và gia đình đã bồi thường được cho ông Hồ Viết H số tiền 61.000.000 đồng và bồi thường cho ông Nguyễn Minh N số tiền 20.000.000 đồng. Đối với số tiền còn lại, người bị hại yêu cầu bị cáo tiếp tục bồi thường, căn cứ vào Điều 584, 585, 589 Bộ luật dân sự buộc bị cáo phải chịu trách nhiệm bồi thường cho ông Hồ Viết H số tiền là 297.000.000 đồng, bồi thường cho ông Nguyễn Minh N số tiền là 130.000.000 đồng.

Về xử lý vật chứng: Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra Công an tỉnh Thừa Thiên Huế có thu giữ một số vật chứng đang lưu giữ tại hồ sơ vụ án. Đây là những tài liệu, chứng cứ quan trọng, làm cơ sở để giải quyết vụ án, do đó cần tiếp tục lưu giữ tại hồ sơ vụ án. Trong vụ án này, bị cáo H đã dùng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tọa lạc tại Khu quy hoạch Kiểm Huệ 2, xã Thủy A, Thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế mang tên chủ sử dụng đất là bà Trần Thị Cẩm C và giấy chứng minh nhân dân mang tên bà Trần Thị Cẩm C để đưa cho người bị hại là ông H để ông H tin và đưa tiền cho bị cáo mượn. Tuy nhiên, bà C hoàn toàn không biết bị cáo đã dùng những giấy tờ trên để mượn tiền người khác, mà bà chỉ tin tưởng giao cho H giấy tờ đứng tên sở hữu của mình để đến các cơ quan có thẩm quyền đứng chính cho phù hợp với họ tên của bà C nhằm để vay vốn tại Ngân hàng

Eximbank. Quá trình điều tra không chứng minh được trách nhiệm của bà C đối với hành vi phạm tội của bị cáo nên cần hoàn trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tọa lạc tại Khu quy hoạch Kiểm Huệ 2, xã Thủy A, Thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế mang tên chủ sử dụng đất là bà Trần Thị Cẩm C và giấy chứng minh nhân dân mang tên bà Trần Thị Cẩm C.

Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Lê Ngọc Nguyên H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng. Về án phí dân sự sơ thẩm buộc bị cáo Lê Ngọc Nguyên H phải chịu án phí trên số tiền 427.000.000 đồng tương đương với số tiền án phí là $[20.000.000 \text{ đồng} + (4\% \times 27.000.000 \text{ đồng})] = 21.080.000 \text{ đồng}$

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1, Tuyên bố bị cáo Lê Ngọc Nguyên H phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

2, Áp dụng: điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội (để áp dụng Điều 175 của Bộ luật hình sự năm 2015);

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 140; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Lê Ngọc Nguyên H 05 (năm) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt tạm giữ 22/03/2017.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 584, 585, 589 Bộ luật dân sự

Tuyên xử: Buộc bị cáo Lê Ngọc Nguyên H phải chịu trách nhiệm trả cho ông Hồ Viết H số tiền 297.000.000 đồng (*hai trăm chín mươi bảy triệu đồng*), ông Nguyễn Minh N số tiền 130.000.000 đồng (*một trăm ba mươi triệu đồng*).

4. Về vật chứng vụ án: Áp dụng Điều 76 Bộ luật tố tụng dân sự

Tuyên xử: Trả lại cho bà Trần Thị Cẩm C giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tọa lạc tại Khu quy hoạch Kiểm Huệ 2, xã Thủy A, Thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế mang tên chủ sử dụng đất là bà Trần Thị Cẩm C và giấy chứng minh nhân dân mang tên bà Trần Thị Cẩm C (đang lưu giữ trong hồ sơ vụ án).

5. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 3 Điều 21; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội .

Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Lê Ngọc Nguyên H phải chịu 200.000 đồng (*hai trăm ngàn đồng*).

Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Lê Ngọc Nguyên H phải chịu 21.080.000 đồng (*hai mươi một triệu tám mươi ngàn đồng*)

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị cáo H không chịu trả số tiền nêu trên cho ông Hồ Viết H và ông Nguyễn Minh N thì bị cáo H còn phải trả cho ông H và ông N một khoản tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với khoản tiền và thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho bị cáo, người bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan biết có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng những người vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Đà Nẵng;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh;
- Phòng PV27- CA tỉnh;
- Trại tạm giam Công an tỉnh;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu: Tòa HS, Vp, Tổ HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trương Cao Sơn